

Bản án số: 49/2019/DS-PT

Ngày: 19/4/2019

V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hữu Nhân

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Huỳnh Châu Thạch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2019/QĐ-PT ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Tổ Dân phố TL 2, thị trấn NB, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hải N, sinh năm: 1975;

Bà Trần Thị Thúy Ng, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Tổ Dân phố BĐ, thị trấn NB, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn:* Bà Phạm Thị D, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Số 789 HV, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền lập ngày 30/01/2018).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số 49/5/17 BĐ, Phường x, Quận y, Thành phố HCM.

2. Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ;

Địa chỉ trụ sở: Số 65 LHP, phường BĐ, thành phố TH, tỉnh TH.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang Đ, sinh năm: 1978;

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Do có kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Th; Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ.

(Bà H, anh Th, ông Đ có mặt; bà D có đơn xin vắng mặt; các đương sự khác đều vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2018 và lời trình bày của nguyên đơn Bà Đỗ Thị Kim H thì:*

Vợ chồng ông N, bà Ng có vay tiền của bà để cho vay đáo hạn Ngân hàng. Bà Ng có trao đổi với bà về tiền lãi suất tính 3.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày thì sẽ trích cho Ngân hàng một phần và phần còn lại hai bên sẽ chia nhau lãi suất chênh lệch. Bà đồng ý nên đầu tháng 12/2017 bà đã mở tài khoản tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trong thời gian cuối năm 2017 bà đã cho vợ chồng ông N, bà Ng vay nhiều lần, cụ thể:

Ngày 06/12/2017, ông N, bà Ng nhờ bà chuyển vào tài khoản số 64610000209114 tại BIDV mang tên Lê Thị Như H để cho ông N, bà Ng vay số tiền là 850.000.000 đồng và số tài khoản 5404205093550 tại Agribank mang tên Nguyễn Thị H số tiền 700.000.000 đồng;

Ngày 14/12/2017, ông N, bà Ng nhờ bà chuyển vào tài khoản số 64610000155916 tại BIDV mang tên Phạm Kiên C để cho ông N, bà Ng vay số tiền là 1.100.000.000 đồng;

Ngày 15/12/2017, ông N, bà Ng nhờ bà chuyển vào tài khoản số 64310000102923 tại BIDV mang tên Đinh Thị T để cho ông N, bà Ng vay số tiền là 250.000.000 đồng đồng và chuyển vào tài khoản số 5404205032900 tại Agribank mang tên Trần Thị H để cho ông N, bà Ng vay số tiền là 500.000.000 đồng. Sau đó, bà có giao tiền mặt cho ông N nhận số tiền là 350.000.000 đồng.

Do khi thỏa thuận là vay nóng rồi trả lại nhưng sau khi chuyển tiền cho vợ chồng ông N, bà Ng vay, bà có hỏi để đòi lại nhưng ông N, bà Ng tránh mặt, không nghe điện thoại. Bà tìm hiểu thì được biết vợ chồng ông N, bà Ng bị thua lỗ, bế nợ. Sau đó, bà có gặp ông N, bà Ng chốt số nợ ông N, bà Ng còn nợ bà là gần 4.000.000.000 đồng, nên bà trao đổi thì ông N, bà Ng đồng ý sang nhượng cho bà D tích đất tại thị trấn NB. Lúc này thì đất đang thế chấp vay vốn Ngân hàng 1.500.000.000 đồng. Ông N, bà Ng thỏa thuận chuyển nhượng đất cho bà với giá trị là 2.800.000.000 đồng, trong đó bà giao tiền mặt cho ông N, bà Ng số tiền là 300.000.000 đồng; bà giao tiền cho ông N, bà Ng trả nợ Ngân hàng số tiền 1.500.000.000 đồng để lấy sổ đỏ ra làm thủ tục chuyển nhượng (Ngày 22/12/2017, bà chuyển vào tài khoản số 64310000045247 tại BIDV mang tên Trần Thị Thúy Ng

số tiền là 1.500.000.000 đồng đồng); còn 1.000.000.000 thì ông N, bà Ng cần trừ trả bớt nợ cho bà.

Ngày 22/12/2017, bà với vợ chồng ông N, bà Ng chốt lại nợ và làm hợp đồng vay với số tiền là 2.750.000.000 đồng. Ông N, bà Ng hẹn đến ngày 02/01/2018 sẽ trả hết nợ cho bà. Do quá hạn ông N, bà Ng không trả nợ mà cố tình tránh mặt, không gặp bà để thỏa thuận giải quyết việc trả nợ.

Do vậy, bà làm đơn khởi kiện ông N, bà Ng tại Tòa án. Lúc này thì ông N, bà Ng đang có ý định giao xe ô tô hiệu THACO, biển kiểm soát 49B-006.72 đứng tên chủ sở hữu là ông N cho người khác để trừ nợ nhưng bà không đồng ý, và chiếc xe đang tranh chấp và đang tạm giữ tại UBND thị trấn NB. Khi anh Th vào đưa xe đi, bà có giao cho anh Th văn bản phong tỏa chiếc xe của Công an tỉnh Lâm Đồng nhưng anh Th có văn bản ủy quyền của ông N, bà Ng nên đã đưa xe đi. Bà đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với chiếc xe trên.

Nay, Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà Ng phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 2.750.000.000 đồng, còn tiền lãi do chỗ làm ăn với nhau mà hiện nay ông N, bà Ng đang khó khăn nên bà không yêu cầu ông N, bà Ng trả lãi. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp phong tỏa đối với xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông N, bà Ng với bà khi bản án của Tòa án có hiệu lực.

*Đại diện bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng là Bà Phạm Thị D trình bày:*

Theo bà Nga, ông N thì từ năm 2015, bà Ng thường xuyên vay tiền của Bà H để làm ăn, lãi suất vay là 9.000đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Lúc đầu thì ông N, bà Ng chỉ vay số tiền dao động từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Đến năm 2017, bà Ng có vay của Bà H số tiền lớn hơn là từ 700.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng, lãi suất bà Ng vẫn trả cho Bà H đầy đủ. Số lần ông N, bà Ng vay tiền và Bà H đã chuyển tiền cho ông N, bà Ng theo các số tài khoản ông N, bà Ng nhờ chuyển như Bà H trình bày trên là đúng.

Đến tháng 12/2017, hai bên chốt nợ thì số tiền bà Ng còn nợ Bà H khoảng hơn 3.000.000.000 đồng. Ngày 22/12/2017, Bà H lập hợp đồng vay tiền rồi yêu cầu bà Ng và ông N ký vào. Thực chất mọi giao dịch vay tiền đều do bà Ng và Bà H thực hiện với nhau, ông N không biết; giai đoạn sau này khi chốt nợ thì ông N đã xác nhận và cùng ký hợp đồng vay tiền của Bà H.

Nay, Bà H yêu cầu bà Ng và ông N trả số tiền 2.750.000.000 đồng thì ông N, bà Ng xác định số tiền ông N, bà Ng nợ Bà H 2.750.000.000 đồng là đúng nhưng do điều kiện đang khó khăn nên ông N, bà Ng xin Bà H giảm bớt xuống còn 2.500.000.000 đồng vì tiền lãi ông N, bà Ng cũng trả cho Bà H nhiều.

Đối với chiếc xe ô tô khách giường nằm nhãn hiệu THACO, biển số 49B-006.72 do vợ chồng bà Ng mua trả góp và thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch ĐT. Do đến hạn trả góp, ông N, bà Ng không trả được nợ nên ngày 15/01/2017 ông N, bà Ng cùng với Anh Nguyễn Minh Th đến Ngân hàng để thỏa thuận cho vợ chồng ông N, bà Ng chuyển giao quyền sở hữu chiếc xe ô tô cho anh Th để anh Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đồng ý và hướng dẫn ông N, bà Ng và anh Th làm thủ tục chuyển giao bằng hợp đồng ủy quyền. Ông N, bà Ng cùng anh Th đã đến văn phòng công chứng Nguyễn Đức T lập hợp đồng ủy quyền. Qua ngày 16/01/2017, anh Th đã nộp vào Ngân hàng tiền gốc, lãi và tiền phạt chậm trả tổng cộng là 36.436.389 đồng.

Ngày 17/12/2017, theo yêu cầu của Ngân hàng thì anh Th đã nộp luôn số tiền còn lại là 750.239.583 đồng và Ngân hàng đã giao giấy tờ xe cho ông Thanh. Sau khi nhận giấy tờ xe về thì anh Th đã sang nhượng lại cho người khác. Việc ông N, bà Ng chuyển quyền sở hữu chiếc xe trên cho anh Th là để anh Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, không phải là tẩu tán tài sản.

Tòa án ra quyết định phong tỏa tài sản này là không đúng pháp luật, vì vậy ông N, bà Ng đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH để bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Minh Th trình bày:*

Anh và ông N, bà Ng không có quen biết nhau từ trước. Qua giới thiệu và do nhu cầu cần nhận chuyển nhượng xe ô tô nên anh thỏa thuận với Ông Nguyễn Hải N và Bà Trần Thị Thúy Ng để chuyển nhượng xe ô tô khách giường nằm nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 49B-006.72 do ông N đứng tên sở hữu, nhưng do xe mua trả góp và thế chấp tại chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng – Phòng giao dịch ĐT.

Đến hạn trả góp, ông N, bà Ng không trả được nên vào ngày 15/01/2018 ông N, bà Ng cùng với anh đến chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng – Phòng giao dịch ĐT để thỏa thuận cho vợ chồng ông N, bà Ng chuyển giao quyền sở hữu chiếc xe ô tô nói trên cho anh để anh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Được Ngân hàng đồng ý và hướng dẫn cho ông N, bà Ng và anh làm thủ tục chuyển giao bằng hợp đồng ủy quyền. Cũng trong ngày 15/01/2018 vợ chồng ông N, bà Ng và anh đến Văn Phòng công chứng Nguyễn Đức T lập hợp đồng ủy quyền, nội dung ủy quyền cho anh được toàn quyền định đoạt (bán, tặng, cho) chiếc xe ô tô nói trên.

Ngày 16/01/2018, ông N, bà Ng lập văn bản cam kết bán xe ô tô nói trên cho anh với giá là 1.140.000.000 đồng. Trong số tiền thỏa thuận mua bán nói trên thì anh đã nộp vào Ngân hàng số tiền gốc, lãi và lãi chậm trả tổng cộng là 36.436.389 đồng. Theo yêu cầu của Ngân hàng, ngày 17/01/2018 anh đã nộp đủ số tiền nợ của ông N,

bà Ng còn lại là 750.239.583 đồng và Ngân hàng đã lập các thủ tục xóa thế chấp, giao giấy tờ xe cho anh. Sau khi nhận giấy tờ xe và xe về thì đến ngày 19/01/2018 anh ký hợp đồng chuyển nhượng chiếc xe trên cho Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ. Hợp đồng mua bán được công chứng tại Văn phòng công chứng VA, thành phố HCM.

Sau khi anh đã hoàn tất hợp đồng mua bán chiếc xe nêu trên, thì vào ngày 20/01/2018, anh có nhận được quyết định phong tỏa đối với xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 của Tòa án. Anh xác định, việc anh mua xe của ông N, bà Ng là để anh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng – không phải là tẩu tán tài sản. Do vậy, anh yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho anh.

Đối với yêu cầu của Bà H về việc yêu cầu ông N, bà Ng phải trả số tiền vay 2.750.000.000 đồng thì anh xác định không có liên quan, anh đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giữa Bà H với ông N, bà Ng theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ (Công ty QĐ), do Ông Ngô Quang Đ đại diện theo pháp luật trình bày:*

Ngày 19/01/2018, Công ty QĐ mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe là Nguyễn Hải N và anh Th có văn bản ủy quyền của ông N, bà Ng cho anh Th được toàn quyền mua, bán nên ông Đ đại diện cho Công ty QĐ đã mua xe trên với giá là 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, để giảm các chi phí liên quan đến thủ tục mua bán, hai bên đã lập hợp đồng mua bán ghi nhận số tiền mua bán là 300.000.000 đồng. Trong tổng số tiền mua xe 1.500.000.000 đồng thì Công ty QĐ đã thanh toán cho anh Th bằng tiền mặt được số tiền 1.000.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng do chưa hoàn tất thủ tục mua bán, sang tên nên Công ty QĐ chưa thanh toán hết cho anh Th.

Nay, ông Đ xác định việc Công ty mua xe của anh Th là hoàn toàn ngay tình, không biết xe đang có tranh chấp và đang có Quyết định phong tỏa của Tòa án, Công ty QĐ không đồng ý Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH nên ông Đ đề nghị Tòa án xem xét sớm giải quyết vụ án để Công ty QĐ được sang tên chính chủ đối với xe đã mua và đưa vào hoạt động.

Hiện tại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 đang được quản lý tại trụ sở Công ty QĐ, chưa đưa vào sử dụng, lưu hành vì còn liên quan đến thủ tục sang tên đối với xe.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Kim H, buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải trả cho Bà Đỗ Thị Kim H số tiền là: 2.750.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Về án phí: Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải chịu 87.000.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Bà Đỗ Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 43.500.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000354 ngày 17 tháng 01 năm 2018.

*Về chi phí tố tụng khác:* Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải thanh toán lại cho Bà Đỗ Thị Kim H toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 13/11/2018, bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại: Đề nghị hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH để bảo đảm quyền lợi cho anh Th - người trực tiếp nộp tiền vào Ngân hàng để trả nợ vào khoản nợ của ông bà. Xem xét lại phần chi phí định giá chiếc xe và ông bà không đồng ý thanh toán lại cho Bà H vì việc định giá là không đúng. Đề nghị Tòa án miễn giảm tiền án phí cho ông bà vì ông bà đang khó khăn, tài sản không còn gì vì đã bị một số chủ nợ xiết lấy hết.

Ngày 08/11/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Minh Th kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH để bảo đảm quyền lợi cho ông.

Ngày 12/11/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ (viết tắt Công ty CPVTDLTM Quang Đông) kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH và yêu cầu Bà H phải bồi thường thiệt hại cho công ty đối với việc mua xe ô tô không được khai thác sử dụng do chưa làm thủ tục sang tên cho công ty.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt và có văn bản trình bày là vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH; xem xét lại phần chi phí định giá chiếc xe vì việc định giá không đúng; đề nghị Tòa án xem xét miễn giảm tiền án phí cho bị đơn vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế bị đơn khó khăn, tài sản không còn gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ, Anh Nguyễn Minh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn Bà H không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như của đương sự là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Vợ chồng ông N, bà Ng có vay tiền của Bà H nhiều lần; và ngày 22/12/2017, hai bên chốt lại nợ với nhau và viết “Hợp đồng vay tiền” ghi nhận vợ chồng ông N, bà Ng vay của Bà H số tiền là 2.750.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 22/12/2017 đến ngày 02/01/2018, nhưng quá thời hạn mà bị đơn ông N, bà Ng không trả nợ nên Bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà Ng trả nợ.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH là đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ; Anh Nguyễn Minh Th thì thấy rằng:

[2] Theo nguyên đơn thì ngày 06/12/2017, Bà H đã chuyển vào tài khoản số 64610000209114 tại BIDV mang tên Lê Thị Như H để cho ông N, bà Ng vay số tiền là 850.000.000 đồng và chuyển vào số tài khoản 5404205093550 tại Agribank mang tên Nguyễn Thị H để cho vợ chồng ông N, bà Ng vay số tiền 700.000.000 đồng;

Ngày 14/12/2017, Bà H đã chuyển vào tài khoản số 64610000155916 tại BIDV mang tên Phạm Kiên C để cho ông N, bà Ng vay số tiền là 1.100.000.000 đồng;

Ngày 15/12/2017, Bà H chuyển vào tài khoản số 64310000102923 tại BIDV mang tên Đinh Thị T để cho ông N, bà Ng vay số tiền 250.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản số 5404205032900 tại Agribank mang tên Trần Thị H để cho ông N, bà Ng vay số tiền 500.000.000 đồng. Sau đó Bà H giao tiền mặt cho ông N nhận số tiền 350.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền ông N, bà Ng đã vay của Bà H là gần 4.000.000.000 đồng. Sau đó, ông N, bà Ng sang nhượng cho Bà H diện tích đất cho giá trị là 2.800.000.000 đồng, trong số tiền nhận sang nhượng đất thì Bà H thanh toán cho ông N, bà Ng tiền mặt là 300.000.000 đồng; chuyển vào tài khoản của bà Ng để thanh toán số tiền

1.500.000.000 đồng; còn 1.000.000.000 đồng hai bên thống nhất để ông N, bà Ng cần trừ trả bớt nợ cho Bà H.

Ngày 22/12/2017, giữa Bà H và ông N, bà Ng tiến hành chốt nợ và làm “Hợp đồng vay tiền” ghi nhận vợ chồng ông N, bà Ng có vay của Bà H số tiền 2.750.000.000đồng, thời hạn theo “Hợp đồng vay tiền” này là từ ngày 22/12/2017 đến ngày 02/01/2018 (bút lục số 06).

Theo Bà Phạm Thị D là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng cũng thừa nhận ông N, bà Ng có vay tiền của Bà H nhiều lần từ năm 2015 đến năm 2017 và có vay các khoản tiền và có việc chốt nợ như Bà H trình bày là đúng. Nhưng do điều kiện đang khó khăn nên ông N, bà Ng xin Bà H giảm bớt xuống còn 2.500.000.000đồng vì khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi là 9.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, từ khi vay đến nay thì vợ chồng ông N, bà Ng đã trả cho Bà H nhiều khoản tiền lãi.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng cũng như bà D là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc tính lãi và trả lãi là bao nhiêu.

Do đó, Bà H khởi kiện buộc vợ chồng ông N, bà Ng phải trả cho Bà H số tiền nợ gốc 2.750.000.000 đồng là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng về việc xem xét lại phần nhận định của bản án về việc ông bà mua chiếc xe ô tô là mua trả góp, không phải thế chấp vay tiền; việc ông bà bán xe cho anh Th là để trả nợ mua xe góp cho Ngân hàng không phải tẩu tán tài sản thì thấy rằng:

Theo biên bản xác minh ngày 11/6/2018 đối với ông Trương Tùng L – Giám đốc Ngân hàng BIDV Việt Nam – Chi Nhánh Lâm Đồng – Phòng Giao dịch ĐT (BL số 93) thì tại thời điểm vay vốn ngày 26/6/2015 thì chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 đã đứng tên chủ sở hữu là Ông Nguyễn Hải N. Vợ chồng ông N, bà Ng thế chấp xe này để vay vốn ngân hàng theo hình thức vay bảo đảm. Việc vợ chồng ông N, bà Ng mua xe này như thế nào và mua của ai thì ngân hàng BIDV không rõ.

Ngày 26/6/2015, vợ chồng bà Ng mới lập hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng BIDV để vay số tiền 1.500.000.000đồng với thời hạn vay là 60 tháng. Như vậy, có căn cứ xác định ông N, bà Ng đã thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 cho ngân hàng BIDV để vay tiền chứ không phải là vay tiền của ngân hàng để mua trả góp cho chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72.

Theo hợp đồng tín dụng được lập ngày 26/06/2015 của Bà Trần Thị Thúy Ng với ngân hàng BIDV thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 để vay số tiền 1.500.000.000đồng với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Theo đó, hợp đồng vay tín dụng nói trên của bà Ng với ngân hàng BIDV có thời hạn trả nợ gốc vào ngày 26/06/2020 (BL số 51, 52).



Ngày 15/01/2018, Anh Nguyễn Minh Th và vợ chồng ông N, bà Ng có làm hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đức Tuấn, theo nội dung của hợp đồng ủy quyền thì ông N, bà Ng ủy quyền cho anh Th được quyền quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt thế chấp, bán, tặng, cho... đối với chiếc xe ô tô khách giường nằm hiệu THACO biển kiểm soát 49B-006.72 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011668 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/12/2013 đứng tên chủ xe là Ông Nguyễn Hải N (BL số 112-115).

Ngày 16/01/2018, ông N, bà Ng và anh Th có viết Đơn cam kết (BL số 124) có nội dung ông N, bà Ng đồng ý bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 cho anh Th với giá tiền là 1.140.000.000 đồng. Sau khi làm Hợp đồng ủy quyền và viết Đơn cam kết thì chiếc xe nói trên do ông N, bà Ng đang thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng BIDV Phòng Giao dịch ĐT nên anh Th đã trực tiếp nộp số tiền gốc và lãi vào ngân hàng để tất toán khoản nợ của ông N, bà Ng với số tiền là 36.436.398 đồng nộp vào ngày 16/01/2018 và số tiền 750.239.583 đồng nộp vào ngày 17/01/2018, sau khi nộp tiền tất toán khoản nợ của vợ chồng ông N, bà Ng thì anh Th đã trực tiếp làm thủ tục giải chấp tại ngân hàng vào cùng ngày 17/01/2018.

Ngày 19/01/2018, anh Th làm Hợp đồng bán chiếc xe nói trên cho Công ty cổ phần vận tải du lịch Quang Đông, hợp đồng cũng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng VA tại quận BT, thành phố HCM và xe ô tô anh Th đã giao cho công ty vận tải Quang Đông, hiện nay đang được lưu giữ tại trụ sở Công ty QĐ tại thành phố TH, tỉnh TH.

Xét thấy, ngày 15/01/2018 thì xe ô tô khách thuộc quyền sở hữu của ông N, bà Ng vẫn đang thế chấp tại ngân hàng, việc các bên làm hợp đồng ủy quyền liên quan đến tài sản thế chấp tại ngân hàng nhưng không có ý kiến của ngân hàng nên các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng là không có hiệu lực pháp luật.

Hơn nữa, theo anh Th thì khi ông mang Hợp đồng ủy quyền đến Ủy ban nhân dân thị trấn NB để lấy xe thì cán bộ Công an thị trấn NB có giải thích là phải trả hết nợ cho ngân hàng mới được lấy xe, đồng thời Bà H cũng khai khi anh Th lấy xe thì Bà H có yêu cầu giữ xe lại nhưng anh Th xuất trình được hợp đồng ủy quyền của ông N, bà Ng nên Công an đã cho anh Th mang xe đi. Như vậy, tại thời điểm anh Th thỏa thuận mua bán xe với ông N, bà Ng thì đã biết giữa Bà H với vợ chồng ông N, bà Ng có tranh chấp với nhau.

Mặt khác, tại thời điểm Bà H gửi đơn khởi kiện ra Tòa án là ngày 05/01/2018 thì đồng thời Bà H đã làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với xe ô tô của vợ chồng ông N, bà Ng nhưng do tại thời điểm đó xe ô tô vẫn đang thế chấp tại ngân hàng nên Bà H đã rút đơn yêu cầu. Như vậy, bị đơn ông Nam, bà Ng đã biết việc Bà H khởi kiện và yêu cầu phong tỏa tài sản của ông N, bà Ng là chiếc xe ô tô, tuy nhiên đến ngày 15/01/2018 ông N, bà Ng vẫn làm Hợp đồng

ủy quyền với anh Th và ngày 16/01/2018 làm Đơn cam kết bán xe cho anh Th là có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với Bà H.

Ngoài ra, theo kết quả định giá tài sản (BL số 143, 144) thì chiếc xe ô tô khách giường nằm hiệu THACO, biển kiểm soát 49B-006.72 có trị giá là 1.438.500.000đồng, bị đơn thỏa thuận bán cho anh Th giá 1.400.000.000đồng, nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng gốc và lãi chỉ có 786.675.981đồng, số tiền bán xe ô tô còn lại thì bị đơn vẫn không trả cho Bà H.

Như vậy, việc vợ chồng ông N, bà Ng cho rằng ông bà mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 là mua trả góp, không phải thế chấp vay tiền; việc ông bà bán xe cho anh Th là để trả nợ mua xe góp cho Ngân hàng không phải tẩu tán tài sản là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ; Anh Nguyễn Minh Th về việc yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH thì thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 139, 140, 141 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:  
*“Điều 139. Hiệu lực của quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời:*

*1. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thi hành ngay.*

*2. Tòa án phải cấp hoặc gửi quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời ngay sau khi ra quyết định cho người có yêu cầu, người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và Viện kiểm sát cùng cấp”.*

*Điều 140. Khiếu nại, kiến nghị về quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời:*

*Đương sự có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án đang giải quyết vụ án về quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc việc Thẩm phán không quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thời hạn khiếu nại, kiến nghị là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc trả lời của Thẩm phán về việc không ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.*

*Điều 141. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị về quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời:*

*1. Chánh án Tòa án phải xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị quy định tại Điều 140 của Bộ luật này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.*

2. *Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án là quyết định cuối cùng và phải được cấp hoặc gửi ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 139 của Bộ luật này.*

3. *Tại phiên tòa, việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Hội đồng xét xử là quyết định cuối cùng”.*

Theo quy định tại Điều 139 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì sau khi ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018, Tòa án đã gửi ngay Quyết định này đến Công an tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/01/2018, đồng thời gửi cho các đương sự qua đường bưu điện.

Thời hạn thực hiện việc khiếu nại hay kiến nghị đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Th xác định anh nhận được Quyết định này vào ngày 20/01/2018 nhưng đến ngày 30/01/2018 anh mới có đơn khiếu nại Quyết định số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018. Ngày 02/02/2018, Chánh án Tòa án nhân dân huyện LH đã có Quyết định giải quyết khiếu nại số 02/2018/QĐ-GQKN và không chấp nhận khiếu nại của anh Th giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH (BL số 46).

Mặt khác, giao dịch giữa anh Th với ông N, bà Ng trên cơ sở “Giấy cam kết V/v mua bán xe” lập ngày 16/01/2018 là trong lúc xe đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV, nhưng các bên giao dịch mua - bán không có tài liệu, văn bản nào chứng minh việc mua bán giữa các bên được sự đồng ý của Ngân hàng BIDV. Do đó, theo quy định tại Khoản 5 Điều 321 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì giao dịch mua bán xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 giữa anh Th với vợ chồng ông N, bà Ng ngày 16/01/2018 là vô hiệu.

Tại thời điểm Bà Đỗ Thị Kim H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho đến khi cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai thì chiếc xe ô tô khách giường nằm hiệu THACO biển kiểm soát 49B-006.72 vẫn đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Hải N.

Như vậy, theo quy định trên thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thì hành ngay và việc kiến nghị, khiếu nại về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được giải quyết theo quy định tại Điều 140, 141 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, các đương sự chỉ có quyền khiếu nại việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời chứ không có quyền kháng cáo. Và việc giải quyết khiếu nại sẽ được giải quyết bằng một quyết định riêng biệt.

Theo quy định tại Thông tư về Đăng ký xe số: 15/2014/TB-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an cũng như Thông tư số: 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư về Đăng ký xe số: 15/2014/TB-BCA ngày 04/4/2014 thì khi tổ chức, cá nhân mua xe thì phải đăng ký sang tên theo quy định. Hiện nay, chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49B-006.72 vẫn đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe là Nguyễn Hải N; cũng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên từ Ông Nguyễn Hải N qua cho anh Nguyễn Minh Th; và cũng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên từ Anh Nguyễn Minh Th cho Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ theo quy định.

Xét thấy, việc bị đơn bán xe cho anh Th là hành vi tẩu tán tài sản nên Bà H đã làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với xe ô tô của vợ chồng ông N, bà Ng; do đó, việc cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Th; Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ về việc yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH.

[5] Đối với kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý thanh toán chi phí tố tụng thì thấy rằng:

Việc xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như định giá tài sản là thủ tục cần thiết khi giải quyết vụ án này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải thanh toán lại cho Bà Đỗ Thị Kim H toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 3.000.000 đồng là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng về vấn đề này.

[6] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ yêu cầu Bà H phải bồi thường thiệt hại cho công ty đối với việc mua xe ô tô không được khai thác sử dụng do chưa làm thủ tục sang tên cho công ty thì thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không yêu cầu xem xét giải quyết liên quan đến các hợp đồng mua bán xe trong vụ án này, đến ngày 22/10/2018, Tòa án nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông Đ – Đại diện cho Công ty QĐ có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vụ án cho Công ty “*được tiếp tục mua bán xe ô tô*” biển kiểm soát 49B-006.72. Tuy nhiên, ý kiến của ông Đ gửi đến Tòa án sau khi vụ án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử mà Công ty QĐ không có đơn yêu cầu độc lập trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có cơ sở xem xét giải quyết liên quan đến các hợp đồng mua bán xe nêu trên trong vụ án này.

Nay yêu cầu Bà H phải bồi thường thiệt hại cho công ty đối với việc mua xe ô tô không được khai thác sử dụng do chưa làm thủ tục sang tên cho công ty là không có căn cứ xem xét do tại Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét vấn đề này. Do vậy, đương sự được quyền khởi kiện và sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng có đơn xin miễn nộp tiền án phí do gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn NB, huyện Lâm Hà xác nhận nội dung hoàn cảnh khó khăn.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì: “*Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp*”. Theo quy định trên thì cần giảm ½ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Th; Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ; giữ nguyên bản án về phần nội dung; sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí là có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải chịu 87.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm ½ nên vợ chồng ông N, bà Ng chỉ phải nộp 43.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Bà Đỗ Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 43.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000354 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

[9] Về chi phí tố tụng khác:

- Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải thanh toán lại cho Bà Đỗ Thị Kim H toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do sửa án sơ thẩm về phần án phí nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả lại cho bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (do Bà Phạm Thị D đã nộp thay) theo biên lai thu số AA/2016/0000827 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

- Hoàn trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Minh Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (do ông Nguyễn Thế Hùng đã nộp

thay) theo biên lai thu số AA/2016/0000826 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

- Hoàn trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (do bà Phạm Thị Chinh đã nộp thay) theo biên lai thu số AA/2016/0000834 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng về phần xin giảm tiền án phí;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông N, bà Ng về việc yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH; khoản nợ vay và chi phí tố tụng.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Th và Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ về việc yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH. Sửa bản án sơ thẩm.  
Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Kim H đối với bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản;

- Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải trả cho Bà Đỗ Thị Kim H số tiền là: 2.750.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải chịu 43.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (Đã được giảm 1/2).

- Hoàn trả lại cho Bà Đỗ Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 43.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000354 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

3/ Về chi phí tố tụng khác:

- Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng phải thanh toán lại cho Bà Đỗ Thị Kim H toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4/ Về án phí phúc thẩm:

- Hoàn trả lại cho bị đơn vợ chồng Ông Nguyễn Hải N, Bà Trần Thị Thúy Ng số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (do Bà Phạm Thị D đã nộp thay) theo biên lai thu số AA/2016/0000827 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

- Hoàn trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Minh Th số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (do ông Nguyễn Thế Hùng đã nộp thay) theo biên lai thu số AA/2016/0000826 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

- Hoàn trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần vận tải du lịch thương mại QĐ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (do bà Phạm Thị Chinh đã nộp thay) theo biên lai thu số AA/2016/0000834 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Lâm Hà;
- CCTHADS H. Lâm Hà;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Hữu Nhân**





